

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM 2025

(Hình thức đào tạo: Tuyển sinh chính quy đại học)

I. THÔNG TIN CHUNG

- 1. Tên cơ sở đào tạo:** Trường Đại học Tân Tạo
- 2. Mã cơ sở đào tạo trong tuyển sinh:** TTU
- 3. Địa chỉ các trụ sở:**

STT	Loại trường	Tên trường	Địa điểm
1	Cơ sở đào tạo chính	Trường Đại học Tân Tạo	Khu đô thị E.City Tân Đức, xã Hựu Thạnh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An

- 4. Địa chỉ trang thông tin điện tử:** <https://ttu.edu.vn>
- 5. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh:** 0981152153
- 6. Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh; đề án, quy chế thi tuyển sinh** (nếu cơ sở đào tạo có tổ chức thi)
- 7. Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của cơ sở đào tạo** (chương trình đào tạo; ngành đào tạo; đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý; cơ sở vật chất; quy mô đào tạo; tỷ lệ sinh viên có việc làm; kế hoạch tuyển sinh các ngành, hình thức, trình độ đào tạo ngành...)
 - 7.1. Địa chỉ công khai chương trình đào tạo:**
<https://tuyensinh.ttu.edu.vn/>
 - 7.2. Địa chỉ công khai ngành đào tạo:**
<https://tuyensinh.ttu.edu.vn/>
 - 7.3. Địa chỉ công khai đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý:**
<https://ttu.edu.vn/category/doi-ngu-nhan-su-ttu/>
 - 7.4. Địa chỉ công khai cơ sở vật chất:**
<https://ttu.edu.vn/category/gioi-thieu/dam-bao-chat-luong-giao-duc/>
 - 7.5. Địa chỉ công khai quy mô đào tạo:**
<https://ttu.edu.vn/category/gioi-thieu/dam-bao-chat-luong-giao-duc/>
 - 7.6. Địa chỉ công khai tỷ lệ sinh viên có việc làm:**
<https://ttu.edu.vn/category/gioi-thieu/dam-bao-chat-luong-giao-duc/>
 - 7.7. Địa chỉ công khai kế hoạch tuyển sinh các ngành, hình thức, trình độ đào tạo ngành:**

<https://tuyensinh.ttu.edu.vn/>

II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

1. Tuyển sinh Đại học chính quy

1.1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

Theo quy định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ GD&ĐT) và của Trường Đại học Tân Tạo (Trường ĐHTT) tương ứng với từng phương thức xét tuyển

1.2. Mô tả phương thức tuyển sinh

- **Phương thức 1 (Mã 502):** Ưu tiên xét tuyển và xét tuyển thẳng theo thông tin của cơ sở đào tạo.
 - + **Đối tượng 1:** Thí sinh tuyển thẳng theo quy định tại Điều 8 quy chế tuyển sinh đại học của Bộ GD&ĐT.
 - + **Đối tượng 2:** Thí sinh giỏi, tài năng của các trường THPT Chuyên, Năng khiếu.
 - + **Đối tượng 3:** Thí sinh có chứng chỉ quốc tế uy tín (SAT, ACT, A level, IB).
- **Phương thức 2 (Mã 402):** Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy... do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển.
- **Phương thức 3 (Mã 100):** Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT
- **Phương thức 4 (Mã 200):** Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)
- **Phương thức 5 (Mã 411):** Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT nước ngoài
- **Phương thức 6 (Mã 501):** Xét tuyển thí sinh là người nước ngoài
- **Phương thức 7 (Mã 407):** Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với kết quả học tập cấp THPT để xét tuyển
- 1.3. **Quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh:** Công bố theo kế hoạch tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.

1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh

(Ghi rõ địa chỉ đào tạo; đối với mỗi mã trường trong tuyển sinh lập một bảng theo bảng dưới đây).

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
1		Nhân văn			60		
1.1	7220201	Ngôn ngữ Anh	7220201	Ngôn ngữ Anh	60	501 - Xét tuyển thí sinh là người nước ngoài (A01, D01,	

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
						D07, D08, X25) 411 - Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT nước ngoài (A01, D01, D07, D08, X25) 200 - Xét tuyển sử dụng kết quả học tập cấp THPT (học bạ) (D01, D07, D08, X25, A01) 402 - Xét tuyển sử dụng kết quả kỳ thi đánh giá năng lực năm 2025 do đơn vị khác tổ chức thi (402) 502 - Ưu tiên xét tuyển và Xét tuyển thẳng theo thông tin của CSĐT (502) 100 - Xét tuyển sử dụng kết quả kỳ thi tốt nghiệp Trung học phổ thông (THPT) năm 2025 (A01, D01, D07, D08, X25)	
2		Kinh doanh và quản lý			170		
2.1	7340101	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh	60	100 - Xét tuyển sử dụng kết quả kỳ thi tốt nghiệp Trung học phổ thông (THPT) năm 2025 (A00, A01, D01, D07, X01, C01) 200 - Xét tuyển sử dụng kết quả học tập cấp THPT (học bạ) (A01, D01, D07, C01, A00, X01)	

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
						502 - Ưu tiên xét tuyển và Xét tuyển thẳng theo thông tin của CSĐT (502) 402 - Xét tuyển sử dụng kết quả kỳ thi đánh giá năng lực năm 2025 do đơn vị khác tổ chức thi (402) 501 - Xét tuyển thí sinh là người nước ngoài (A00, A01, D01, D07, C01, X01) 411 - Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT nước ngoài (A00, A01, D01, D07, C01, X01)	
2.2	7340120	Kinh doanh quốc tế	7340120	Kinh doanh quốc tế	40	501 - Xét tuyển thí sinh là người nước ngoài (A00, A01, D01, D07, C01, X01) 502 - Ưu tiên xét tuyển và Xét tuyển thẳng theo thông tin của CSĐT (502) 200 - Xét tuyển sử dụng kết quả học tập cấp THPT (học bạ) (A00, A01, D01, D07, C01, X01) 100 - Xét tuyển sử dụng kết quả kỳ thi tốt nghiệp Trung học phổ thông (THPT) năm 2025 (A01, D01, D07, C01, X01, A00) 402 - Xét tuyển sử dụng kết quả kỳ thi đánh giá năng lực	

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
						năm 2025 do đơn vị khác tổ chức thi (402) 411 - Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT nước ngoài (A01, A00, D01, D07, C01, X01)	
2.3	7340201	Tài chính – Ngân hàng	7340201	Tài chính – Ngân hàng	30	501 - Xét tuyển thí sinh là người nước ngoài (A00, A01, D01, D07, C01, X01) 411 - Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT nước ngoài (A00, A01, D01, D07, C01, X01) 100 - Xét tuyển sử dụng kết quả kỳ thi tốt nghiệp Trung học phổ thông (THPT) năm 2025 (A00, A01, D01, D07, C01, X01) 402 - Xét tuyển sử dụng kết quả kỳ thi đánh giá năng lực năm 2025 do đơn vị khác tổ chức thi (402) 200 - Xét tuyển sử dụng kết quả học tập cấp THPT (học bạ) (A00, A01, D01, D07, C01, X01) 502 - Ưu tiên xét tuyển và Xét tuyển thẳng theo thông tin của CSĐT (502)	
2.4	7340301	Kế toán	7340301	Kế toán	40	501 - Xét tuyển thí sinh là người nước ngoài (A00, A01,	

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
						D01, D07, C01, X01) 411 - Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT nước ngoài (A00, A01, D01, D07, C01, X01) 402 - Xét tuyển sử dụng kết quả kỳ thi đánh giá năng lực năm 2025 do đơn vị khác tổ chức thi (402) 200 - Xét tuyển sử dụng kết quả học tập cấp THPT (học bạ) (A01, D01, A00, D07, C01, X01) 100 - Xét tuyển sử dụng kết quả kỳ thi tốt nghiệp Trung học phổ thông (THPT) năm 2025 (A00, A01, D01, D07, C01, X01) 502 - Ưu tiên xét tuyển và Xét tuyển thẳng theo thông tin của CSĐT (502)	
3		Khoa học sự sống			40		
3.1	7420201	Công nghệ sinh học	7420201	Công nghệ sinh học	40	200 - Xét tuyển sử dụng kết quả học tập cấp THPT (học bạ) (A02, B00, B03, B08, X14, X16) 502 - Ưu tiên xét tuyển và Xét tuyển thẳng theo thông tin của CSĐT (502) 402 - Xét tuyển sử dụng kết	

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
						quả kỳ thi đánh giá năng lực năm 2025 do đơn vị khác tổ chức thi (402) 501 - Xét tuyển thí sinh là người nước ngoài (A02, B00, B03, B08, X14, X16) 100 - Xét tuyển sử dụng kết quả kỳ thi tốt nghiệp Trung học phổ thông (THPT) năm 2025 (A02, B00, B03, B08, X14, X16) 411 - Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT nước ngoài (A02, B00, B03, B08, X14, X16)	
4		Máy tính và công nghệ thông tin			60		
4.1	7480101	Khoa học máy tính	7480101	Khoa học máy tính	60	200 - Xét tuyển sử dụng kết quả học tập cấp THPT (học bạ) (A00, A01, D01, D07, X07, X25, X26, X27, X56) 502 - Ưu tiên xét tuyển và Xét tuyển thẳng theo thông tin của CSĐT (502) 100 - Xét tuyển sử dụng kết quả kỳ thi tốt nghiệp Trung học phổ thông (THPT) năm 2025 (A00, A01, D01, D07, X26, X25, X07, X27, X56)	

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
						501 - Xét tuyển thí sinh là người nước ngoài (A00, A01, D07, D01, X07, X25, X26, X27, X56) 411 - Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT nước ngoài (A00, A01, D01, D07, X07, X25, X26, X27, X56) 402 - Xét tuyển sử dụng kết quả kỳ thi đánh giá năng lực năm 2025 do đơn vị khác tổ chức thi (402)	
5		Sức khỏe			1260		
5.1	7720101	Y khoa	7720101	Y khoa	930	200 - Xét tuyển sử dụng kết quả học tập cấp THPT (học bạ) (A02, B00, B08) 502 - Ưu tiên xét tuyển và Xét tuyển thẳng theo thông tin của CSĐT (502) 501 - Xét tuyển thí sinh là người nước ngoài (A02, B00, B08) 407 - Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với kết quả học tập cấp THPT để xét tuyển (407) 411 - Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT nước ngoài (A02, B00, B08) 100 - Xét tuyển sử dụng kết quả kỳ thi tốt nghiệp Trung	

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
						học phổ thông (THPT) năm 2025 (A02, B00, B08) 402 - Xét tuyển sử dụng kết quả kỳ thi đánh giá năng lực năm 2025 do đơn vị khác tổ chức thi (402)	
5.2	7720301	Điều dưỡng	7720301	Điều dưỡng	30	100 - Xét tuyển sử dụng kết quả kỳ thi tốt nghiệp Trung học phổ thông (THPT) năm 2025 (A02, B00, B08, A00, D07) 502 - Ưu tiên xét tuyển và Xét tuyển thẳng theo thông tin của CSĐT (502) 402 - Xét tuyển sử dụng kết quả kỳ thi đánh giá năng lực năm 2025 do đơn vị khác tổ chức thi (402) 411 - Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT nước ngoài (A02, B00, B08, A00, D07) 200 - Xét tuyển sử dụng kết quả học tập cấp THPT (học bạ) (A02, B00, B08, A00, D07) 501 - Xét tuyển thí sinh là người nước ngoài (A02, B00, B08, A00, D07)	
5.3	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học	30	200 - Xét tuyển sử dụng kết quả học tập cấp THPT (học bạ) (B00, B08, A00, D07, A02) 100 - Xét tuyển sử dụng kết	

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
						quả kỳ thi tốt nghiệp Trung học phổ thông (THPT) năm 2025 (A02, B00, B08, A00, D07) 411 - Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT nước ngoài (A02, B00, B08, A00, D07) 502 - Ưu tiên xét tuyển và Xét tuyển thẳng theo thông tin của CSĐT (502) 402 - Xét tuyển sử dụng kết quả kỳ thi đánh giá năng lực năm 2025 do đơn vị khác tổ chức thi (402) 501 - Xét tuyển thí sinh là người nước ngoài (A02, B00, B08, A00, D07)	
5.4	7720101-LT1	Y khoa (Liên thông Đại học – Đại học Chính quy)	7720101	Y khoa	30	504 - Liên thông (Xét tuyển) (Đại học - Đại học) (504)	
5.5	7720101-LT2	Y khoa (Liên thông Cao đẳng – Đại học Chính quy)	7720101	Y khoa	100	503 - Liên thông (Xét tuyển) (Trung cấp, Cao đẳng - Đại học) (503) 505 - Liên thông (Thi tuyển) (505)	
5.6	7720101-LT3	Y khoa (Liên	7720101	Y khoa	140	503 - Liên thông (Xét tuyển) (Trung cấp, Cao đẳng - Đại	

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
		thông Trung cấp – Đại học Chính quy)				học) (503)	

1.5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào cơ sở đào tạo

1.5.1. Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển: Không có

1.5.2. Điểm cộng

- Đối với phương thức 1 (Mã 502), phương thức 3 (Mã 100), phương thức 4 (Mã 200), phương thức 5 (Mã 411), phương thức 6 (Mã 501) và phương thức 7 (Mã 407): Điểm cộng dành cho thí sinh có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế phân bổ theo từng mức theo bảng sau:

IELTS	TOEFL iBT	PTE Academic	Cambridge (CEFR)	TOEIC (4 kỹ năng)		Điểm cộng
				Nghe - Đọc	Nói - Viết	
5.5 - 9.0	53 - 120	42 - 90	C1 - C2	620 - 990	250 - 400	3
5.0	40 - 52	36 - 41	B2	600 - 619	241 - 250	2,5
4.5	32 - 39	30 - 35	B1	550 - 599	221 - 240	2
4.0	30 - 31	25 - 29	A2	500 - 549	200 - 220	1,5

- Đối với phương thức 2 (Mã 402): Điểm cộng dành cho thí sinh có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế phân bổ theo từng mức theo bảng sau:

IELTS	TOEFL iBT	PTE Academic	Cambridge (CEFR)	TOEIC (4 kỹ năng)		Điểm cộng
				Nghe - Đọc	Nói - Viết	
5.5 - 9.0	53 - 120	42 - 90	C1 - C2	620 - 990	250 - 400	120
5.0	40 - 52	36 - 41	B2	600 - 619	241 - 250	100
4.5	32 - 39	30 - 35	B1	550 - 599	221 - 240	80
4.0	30 - 31	25 - 29	A2	500 - 549	200 - 220	60

Lưu ý: Các chứng chỉ ngoại ngữ sử dụng để quy đổi cần được Bộ GD&ĐT công nhận và còn hiệu lực ít nhất đến ngày 31/8/2025

1.5.3. Tiêu chí phân ngành, chương trình đào tạo: Không có

1.5.4. Các thông tin khác

- Quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế (IELTS, TOEFL iBT, TOEIC, Cambridge English Certificate) thành điểm xét tuyển môn tiếng Anh trong phương thức 3 (Mã 100): Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT

- + Đối với ngành đào tạo sử dụng tổ hợp xét tuyển có môn tiếng Anh, thí sinh có thể lựa chọn kết quả môn tiếng Anh trong thi tốt nghiệp THPT năm 2025 hoặc sử dụng điểm quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ được dùng để miễn thi tốt nghiệp THPT thành điểm môn ngoại ngữ dùng để xét tuyển theo quy định của Trường đại học Tân Tạo.
- + Thí sinh không thể đồng thời sử dụng điểm quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ làm điểm xét tuyển môn tiếng Anh và Điểm cộng trong cùng một phương thức xét tuyển
- + Chứng chỉ ngoại ngữ dùng để quy đổi phải còn hiệu lực ít nhất đến ngày 31/08/2025.
- + Mức quy đổi căn cứ theo bảng sau

IELTS	TOEFL iBT	PTE Academic	Cambridge (CEFR)	TOEIC (4 kỹ năng)		Điểm xét tuyển quy đổi
				Nghe - Đọc	Nói - Viết	
5.5 - 9.0	53 - 120	42 - 90	C1 - C2	620 - 990	250 - 400	10
5.0	40 - 52	36 - 41	B2	600 - 619	241 - 250	9
4.5	32 - 39	30 - 35	B1	550 - 599	221 - 240	8
4.0	30 - 31	25 - 29	A2	500 - 549	200 - 220	7

- Đối với đối tượng tốt nghiệp chương trình THPT nước ngoài, bảng điểm quy đổi các thang điểm phổ biến sang thang điểm 10 để sử dụng xét tuyển như sau:**

Thang 10	GPA 4.0	IB	A-Level	AP	OSSD (Canada)	Baccalauréat (Pháp)	ATAR (Úc)
9.0 – 10.0	3.6 – 4.0	42 – 45	A*A*A / A A A	5–5–5	≥90	≥18	≥98
8.0 – 8.9	3.2 – 3.59	36 – 41	A A B / A B B	5–4–4	85 – 89	16 – 17.9	90 – 97
7.0 – 7.9	2.5 – 3.19	30 – 35	B B B	4–3–3	75 – 84	14 – 15.9	80 – 89
5.0 – 6.9	2.0 – 2.49	24 – 29	C C D / D D D	3–2–2	60 – 74	10 – 13.9	60 – 79
4.0 – 4.9	1.0 – 1.99	22 – 23	E E E	2–1–1	50 – 59	8 – 9.9	50 – 59

- Học phí các ngành đào tạo được tính theo tín chỉ (TC), cam kết không tăng học**

phí trong suốt khóa học:

- + Ngành Y khoa: Thời gian đào tạo 06 năm.
- + Các ngành còn lại: Thời gian đào tạo 04 năm.

Ngành đào tạo	Chương trình đào tạo		Ghi chú
	Hệ chương trình Giảng dạy bằng Tiếng Việt	Hệ chương trình Giảng dạy bằng Tiếng Anh	
Y khoa*	Các học phần chung: 770.000 VND/tín chỉ Cơ sở ngành - Chuyên ngành: 4.800.000 VND/tín chỉ Nhóm học phần USMLE: 1.075.000 VND/tín chỉ Bình quân học phí một năm học: 150.000.000 VND	-	
- Điều dưỡng - Kỹ thuật Xét nghiệm Y học	Các học phần chung: 770.000 VND/tín chỉ Cơ sở ngành - Chuyên ngành: 1.350.000 VND/tín chỉ Bình quân học phí một năm học: 150.000.000 VND	-	
- Kinh doanh quốc tế - Quản trị kinh doanh - Tài chính - Ngân hàng - Kế toán - Khoa học máy tính - Công nghệ sinh học	Đơn giá tín chỉ: 770.000 VND/tín chỉ Bình quân học phí một năm học: 25.000.000 VND	Đơn giá tín chỉ: 1.500.000 VND/tín chỉ Bình quân học phí một năm học: 40.000.000 VND	
Ngôn ngữ Anh	-	Đơn giá tín chỉ: 1.500.000 VND/tín chỉ Bình quân học phí một năm học: 40.000.000 VND	Chỉ giảng dạy bằng Tiếng Anh

Lưu ý: Học phí này không bao gồm: Chi phí ăn ở, sách vở, tài liệu, chi phí cơ sở vật chất - thiết bị, hội phí sinh viên, học phí Giáo dục Quốc phòng - An ninh và Giáo dục thể chất.

1.6. Tổ chức tuyển sinh

1.6.1. Phương thức 1 (Mã 502): Ưu tiên xét tuyển và xét tuyển thẳng theo thông tin của cơ sở đào tạo.

1.6.1.1. Đối tượng 1: Thí sinh tuyển thẳng theo quy định tại Điều 8 quy chế tuyển sinh đại học của Bộ GD&ĐT.

- Điều kiện

STT	Điều kiện tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển	Ngành xét tuyển
1	- Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba, khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia môn Toán, Tin học, Vật lý, Hóa học, Ngữ văn, Tiếng Anh trong thời gian học tập ở bậc THPT; - Thí sinh đạt giải vàng, bạc, đồng trong Kỳ thi Olympic Khoa học Quốc tế (Toán, Tin học, Vật lý, Hóa học) trong thời gian học tập ở bậc THPT.	Tất cả các ngành (ngoại trừ ngành Y khoa, Điều dưỡng, Kỹ thuật xét nghiệm y học, Công nghệ sinh học)
2	- Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba, khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia môn Sinh học trong thời gian học tập ở bậc THPT; - Thí sinh đạt giải vàng, bạc, đồng trong Kỳ thi Olympic (Sinh học) trong thời gian học tập ở bậc THPT.	Các ngành Y khoa, Điều dưỡng, Kỹ thuật xét nghiệm y học, Công nghệ sinh học
3	Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GD&ĐT tổ chức, cử tham gia; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng.	Xét theo đề tài nghiên cứu hoặc kỳ thi

1.6.1.2. Đối tượng 2: Thí sinh giỏi, tài năng của các trường THPT tại các trường Chuyên, Năng khiếu.

- Mục tiêu:

- + Tuyển được học sinh giỏi trường THPT vào những ngành/nhóm ngành phù hợp.
- + Tăng thêm cơ hội, nguyện vọng cho học sinh giỏi vào học tại Trường Đại học Tân Tạo.

- Phạm vi: Áp dụng cho tất cả các trường Chuyên, Năng khiếu THPT trên cả nước (bao gồm trường Tiểu học-THCS-THPT, trường THCS-THPT và trường THPT)

- Điều kiện:

- + Tốt nghiệp THPT năm 2025.
- + Có hạnh kiểm Tốt và đạt học lực Tốt trong 3 năm lớp 10, lớp 11 và lớp 12

- Nguyên tắc xét tuyển:

- + **Điểm xét tuyển** = Điểm tổ hợp + Điểm cộng (nếu có) + Điểm ưu tiên (nếu có)

- + Điểm tổ hợp tính trên thang điểm 30, mức điểm tối đa là 30 điểm. Điểm tổ hợp dùng để xét tuyển là tổng điểm trung bình của 3 môn học lớp 12 trong tổ hợp xét tuyển có điểm cao nhất của thí sinh thuộc danh sách các tổ hợp xét tuyển của ngành, được làm tròn đến hai chữ số thập phân.
- + **Điểm cộng:** Điểm cộng quy đổi theo chứng chỉ tiếng Anh (theo quy định của Trường Đại học Tân Tạo)
- + **Điểm ưu tiên:** Ưu tiên đối tượng, khu vực (theo quy định của Bộ GD&ĐT).
- **Thời gian và cách thức đăng ký xét tuyển:**
 - + Đăng ký thông tin thí sinh (bắt buộc): Trên trang <https://tuyensinh.ttu.edu.vn/> của Trường Đại học Tân Tạo từ ngày **15/06/2025 đến hết ngày 25/06/2025**.
 - + Đăng ký nguyện vọng chính thức: Trên trang <https://thisinh.thitotnghiepthpt.edu.vn> theo thời gian quy định của Bộ GD&ĐT
- **Số nguyện vọng ĐKXT:** không giới hạn số lượng nguyện vọng.
- **Hồ sơ đăng ký xét tuyển:** theo thông báo tuyển sinh của Trường
- **Thời gian xét tuyển, lọc ảo và công bố kết quả:** trước 17h ngày 22/8/2025
- Thời gian xác nhận nhập học trực tuyến trên hệ thống chung của Bộ GD&ĐT: từ **ngày 23/08/2025 đến trước 17 giờ 00 ngày 30/08/2025**.

1.6.1.3. Đối tượng 3: Thí sinh có chứng chỉ quốc tế uy tín (SAT, ACT, A level, IB).

- **Điều kiện:** Thí sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương và có chứng chỉ quốc tế thỏa một trong những điều kiện sau:
 - + Chứng chỉ SAT có điểm từ 1200 trở lên (mỗi môn thi đạt từ 600 điểm).
 - + Chứng chỉ ACT có điểm trung bình từ 25 trở lên.
 - + A level có điểm từ B cho mỗi môn thi.
 - + Tú tài quốc tế (IB) có tổng điểm từ 30 trở lên.

Lưu ý: các thí sinh có bằng tốt nghiệp THPT do cơ sở giáo dục hoạt động hợp pháp ở nước ngoài cấp thì vẫn bằng phải được công nhận theo quy định của Bộ GD&ĐT.
- **Thời gian và cách thức đăng ký xét tuyển:**
 - + Đăng ký thông tin thí sinh (bắt buộc): Trên trang <https://tuyensinh.ttu.edu.vn/> của Trường Đại học Tân Tạo từ ngày **15/06/2025 đến hết ngày 25/06/2025**.
 - + Đăng ký nguyện vọng chính thức: Trên trang <https://thisinh.thitotnghiepthpt.edu.vn> theo thời gian quy định của Bộ GD&ĐT
- **Số nguyện vọng ĐKXT:** không giới hạn số lượng nguyện vọng.
- **Hồ sơ đăng ký xét tuyển:** theo thông báo tuyển sinh của Trường
- **Thời gian xét tuyển, lọc ảo và công bố kết quả:** trước 17h ngày 22/8/2025
- Thời gian xác nhận nhập học trực tuyến trên hệ thống chung của Bộ GD&ĐT: từ **ngày 23/08/2025 đến trước 17 giờ 00 ngày 30/08/2025**.

1.6.2. Phương thức 2 (Mã 402): Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển.

- **Đối tượng:** Thí sinh có kết quả kỳ thi ĐGNL/ĐGTD do ĐHQG TP.HCM, ĐHQG Hà Nội,

Đại học Bách khoa TP.HCM và Trường Đại học Cần Thơ tổ chức năm 2025 và thỏa điều kiện ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào.

- **Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào:** dự kiến 600 điểm (cho tất cả các ngành) theo thang điểm ĐGNL của ĐHQG TP.HCM. Các thang điểm ĐGNL/ĐGTD khác sẽ được quy đổi tương đương sang thang điểm ĐGNL của ĐHQG TP.HCM để xét tuyển.
- **Điều kiện:** theo quy chế tuyển sinh và kế hoạch tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.

Lưu ý: Đối với thí sinh tốt nghiệp THPT nước ngoài cần công nhận văn bằng tương đương tốt nghiệp THPT của Việt Nam. Đối với thí sinh là người nước ngoài cần có chứng chỉ trình độ Tiếng Việt B2 trở lên.

- **Nguyên tắc xét tuyển:**
 - + **Điểm xét tuyển** = Điểm thi ĐGNL/ĐGTD * hệ số quy đổi + Điểm cộng (nếu có) + Điểm ưu tiên (nếu có)

Điểm thi ĐGNL/ĐGTD	Hệ số
ĐHQG TP.HCM	1
ĐHQG Hà Nội	8
ĐH Bách Khoa TP.HCM	1.2
Trường ĐH Cần Thơ	2.6

- + **Điểm thi ĐGNL:** Tính trên thang điểm 1200.
- + **Điểm cộng:** Điểm cộng quy đổi theo chứng chỉ tiếng Anh (theo quy định của Trường Đại học Tân Tạo)
- + **Điểm ưu tiên:** Ưu tiên đối tượng, khu vực (theo quy định của Bộ GD&ĐT).
- **Thời gian và cách thức đăng ký xét tuyển:**
 - + Đăng ký thông tin thí sinh (bắt buộc): Trên trang <https://tuyensinh.ttu.edu.vn/> của Trường Đại học Tân Tạo từ ngày **15/06/2025 đến hết ngày 25/06/2025**.
 - + Đăng ký nguyện vọng chính thức: Trên trang <https://thisinh.thitotnghiep THPT.edu.vn> theo thời gian quy định của Bộ GD&ĐT
- **Số nguyện vọng ĐKXT:** không giới hạn số lượng nguyện vọng.
- **Hồ sơ đăng ký xét tuyển:** theo thông báo tuyển sinh của Trường
- **Thời gian xét tuyển, lọc ảo và công bố kết quả:** trước 17h ngày 22/8/2025
- Thời gian xác nhận nhập học trực tuyến trên hệ thống chung của Bộ GD&ĐT: từ **ngày 23/08/2025 đến trước 17 giờ 00 ngày 30/08/2025**.

1.6.3. Phương thức 3 (Mã 100): Xét tuyển sử dụng kết quả kỳ thi tốt nghiệp Trung học phổ thông (THPT) năm 2025.

- **Đối tượng:** Thí sinh có kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025 và thỏa điều kiện ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào.
- **Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào:**
 - + **Ngành Y khoa, Điều dưỡng, Kỹ thuật xét nghiệm y học:** Mức điểm thi TN THPT tổ hợp môn xét tuyển căn cứ theo quy định và thông báo của Bộ GD&ĐT

năm 2025.

- + **Các ngành còn lại:** Mức điểm thi TN THPT tổ hợp môn xét tuyển dự kiến 15 điểm cho tất cả các tổ hợp xét tuyển.
- **Điều kiện:** theo quy chế tuyển sinh và kế hoạch tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.
- **Nguyên tắc xét tuyển:**
 - + **Điểm xét tuyển** = Điểm thi TN THPT tổ hợp môn xét tuyển + Điểm cộng (nếu có) + Điểm ưu tiên (nếu có)
 - + Điểm xét tuyển tính trên thang điểm 30, mức tối đa là 30 điểm.
 - + Điểm thi TN THPT tổ hợp môn xét tuyển là tổng điểm các bài thi/môn thi theo thang điểm 10 đối với từng bài thi/môn thi và được làm tròn đến hai chữ số thập phân. Quá trình xét tuyển được thực hiện theo nguyên tắc từ cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu.
 - + Đối với ngành đào tạo sử dụng tổ hợp xét tuyển có môn tiếng Anh, thí sinh có thể lựa chọn kết quả môn tiếng Anh trong thi tốt nghiệp THPT năm 2025 hoặc sử dụng điểm quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ được dùng để miễn thi tốt nghiệp THPT thành điểm môn ngoại ngữ theo quy định của Trường Đại học Tân Tạo.
 - + Thí sinh không thể đồng thời sử dụng điểm quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ làm điểm xét tuyển môn tiếng Anh và Điểm cộng trong cùng một phương thức xét tuyển.
 - + Chứng chỉ ngoại ngữ dùng để quy đổi phải còn hiệu lực ít nhất đến ngày 31/08/2025.
 - + **Điểm cộng:** Điểm cộng quy đổi theo chứng chỉ tiếng Anh (theo quy định của Trường Đại học Tân Tạo)
 - + **Điểm ưu tiên:** Ưu tiên đối tượng, khu vực (theo quy định của Bộ GD&ĐT).
- **Thời gian và cách thức đăng ký xét tuyển:**
 - + Đăng ký thông tin thí sinh (bắt buộc): Trên trang <https://tuyensinh.ttu.edu.vn/> của Trường Đại học Tân Tạo từ ngày **15/06/2025 đến hết ngày 25/06/2025**.
 - + Đăng ký nguyện vọng chính thức: Trên trang <https://thisinh.thitotnghiepthpt.edu.vn> theo thời gian quy định của Bộ GD&ĐT
- **Số nguyện vọng ĐKXT:** không giới hạn số lượng nguyện vọng.
- **Hồ sơ đăng ký xét tuyển:** theo thông báo tuyển sinh của Trường
- **Thời gian xét tuyển, lọc ảo và công bố kết quả:** trước 17h ngày 22/8/2025
- Thời gian xác nhận nhập học trực tuyến trên hệ thống chung của Bộ GD&ĐT: từ ngày **23/08/2025 đến trước 17 giờ 00 ngày 30/08/2025**.

1.6.4. Phương thức 4 (Mã 200): Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)

- **Đối tượng:** Thí sinh xét tuyển sử dụng tổng điểm trung bình tổ hợp 3 môn của lớp 12 theo quy định tổ hợp môn của Trường ĐHTT và thỏa điều kiện ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào.
- **Điều kiện:** Thí sinh đã tốt nghiệp THPT của Việt Nam hoặc tương đương (theo hình thức

giáo dục chính quy hoặc giáo dục thường xuyên)

- **Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào:**
 - + **Ngành Y khoa:** xếp loại học lực lớp 12 đạt loại Tốt/Giỏi trở lên.
 - + **Ngành Điều dưỡng, Kỹ thuật xét nghiệm y học:** xếp loại học lực lớp 12 đạt loại Khá trở lên.
- **Nguyên tắc xét tuyển:**
 - + **Điểm xét tuyển** = Điểm trung bình THPT lớp 12 tổ hợp môn xét tuyển + Điểm cộng (nếu có) + Điểm ưu tiên (nếu có)
 - + Điểm xét tuyển tính trên thang điểm 30, mức tối đa là 30 điểm.
 - + Điểm trung bình THPT lớp 12 tổ hợp môn xét tuyển là tổng điểm các môn theo thang điểm 10 được làm tròn đến hai chữ số thập phân. Quá trình xét tuyển được thực hiện theo nguyên tắc từ cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu.
 - + **Điểm cộng:** Điểm cộng quy đổi theo chứng chỉ tiếng Anh (theo quy định của Trường Đại học Tân Tạo)
 - + **Điểm ưu tiên:** Ưu tiên đối tượng, khu vực (theo quy định của Bộ GD&ĐT).
- **Thời gian và cách thức đăng ký xét tuyển:**
 - + Đăng ký thông tin thí sinh (bắt buộc): Trên trang <https://tuyensinh.ttu.edu.vn/> của Trường Đại học Tân Tạo từ ngày **15/06/2025 đến hết ngày 25/06/2025**.
 - + Đăng ký nguyện vọng chính thức: Trên trang <https://thisinh.thitotnghiepthpt.edu.vn> theo thời gian quy định của Bộ GD&ĐT
- **Số nguyện vọng ĐKXT:** không giới hạn số lượng nguyện vọng.
- **Hồ sơ đăng ký xét tuyển:** theo thông báo tuyển sinh của Trường
- **Thời gian xét tuyển, lọc ảo và công bố kết quả:** trước 17h ngày 22/8/2025
- Thời gian xác nhận nhập học trực tuyến trên hệ thống chung của Bộ GD&ĐT: từ ngày **23/08/2025 đến trước 17 giờ 00 ngày 30/08/2025**.

1.6.5. Phương thức 5 (Mã: 411): Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp THPT nước ngoài

- **Đối tượng:** Thí sinh xét tuyển sử dụng tổng điểm trung bình tổ hợp 3 môn của lớp 12 (hoặc cuối cấp) theo quy định tổ hợp môn của Trường ĐHTT và thỏa điều kiện ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào.
- **Điều kiện:** Thí sinh tốt nghiệp THPT tại nước ngoài hoặc thí sinh học chương trình quốc tế tại các trường quốc tế ở Việt Nam. Các thí sinh có bằng tốt nghiệp THPT do cơ sở giáo dục hoạt động hợp pháp ở nước ngoài cấp thì văn bằng phải được công nhận theo quy định của Bộ GD&ĐT.
- **Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào:**
 - + **Ngành Y khoa:** xếp loại học lực lớp 12 (hoặc cuối cấp) đạt loại Tốt/Giỏi trở lên.
 - + **Ngành Điều dưỡng, Kỹ thuật xét nghiệm y học:** xếp loại học lực lớp 12 (hoặc cuối cấp) đạt loại Khá trở lên.
- **Nguyên tắc xét tuyển:**
 - + **Điểm xét tuyển** = Điểm trung bình THPT lớp 12 (hoặc cuối cấp) tổ hợp môn xét tuyển + Điểm cộng (nếu có) + Điểm ưu tiên (nếu có)

- + Điểm xét tuyển tính trên thang điểm 30, mức tối đa là 30 điểm.
- + Điểm trung bình THPT lớp 12 (hoặc cuối cấp) tổ hợp môn xét tuyển là tổng điểm các môn theo thang điểm 10 được làm tròn đến hai chữ số thập phân. Quá trình xét tuyển được thực hiện theo nguyên tắc từ cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu.
- + **Điểm cộng:** Điểm cộng quy đổi theo chứng chỉ tiếng Anh (theo quy định của Trường Đại học Tân Tạo)
- + **Điểm ưu tiên:** Ưu tiên đối tượng, khu vực (theo quy định của Bộ GD&ĐT).
- **Thời gian và cách thức đăng ký xét tuyển:**
 - + Đăng ký thông tin thí sinh (bắt buộc): Trên trang <https://tuyensinh.ttu.edu.vn/> của Trường Đại học Tân Tạo từ ngày **15/06/2025 đến hết ngày 25/06/2025**.
 - + Đăng ký nguyện vọng chính thức: Trên trang <https://thisinh.thitotnghiep THPT.edu.vn> theo thời gian quy định của Bộ GD&ĐT
- **Số nguyện vọng ĐKXT:** không giới hạn số lượng nguyện vọng.
- **Hồ sơ đăng ký xét tuyển:** theo thông báo tuyển sinh của Trường
- **Thời gian xét tuyển, lọc ảo và công bố kết quả:** trước 17h ngày 22/8/2025
- Thời gian xác nhận nhập học trực tuyến trên hệ thống chung của Bộ GD&ĐT: từ ngày **23/08/2025 đến trước 17 giờ 00 ngày 30/08/2025**.

1.6.6. Phương thức 6 (Mã 501): Xét tuyển thí sinh là người nước ngoài.

- **Đối tượng:** Thí sinh xét tuyển sử dụng tổng điểm trung bình tổ hợp 3 môn của lớp 12 (hoặc cuối cấp) theo quy định tổ hợp môn của Trường ĐHTT và thỏa điều kiện ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào.
- **Điều kiện:** Thí sinh là người nước ngoài tốt nghiệp THPT trong nước hoặc ngoài nước; Thí sinh là người nước ngoài học chương trình quốc tế tại các trường quốc tế ở Việt Nam. Các thí sinh có bằng tốt nghiệp THPT do cơ sở giáo dục hoạt động hợp pháp ở nước ngoài cấp thì vẫn bằng phải được công nhận theo quy định của Bộ GD&ĐT. Thí sinh cần có chứng chỉ trình độ tiếng Việt tương đương B2 (Bậc 4/6 theo khung năng lực tiếng Việt gồm 6 bậc cho người nước ngoài) và chứng chỉ có thời hạn hiệu lực ít nhất đến hết ngày 31/08/2025.
- **Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào:**
 - + **Ngành Y khoa:** xếp loại học lực lớp 12 (hoặc cuối cấp) đạt loại Tốt/Giỏi trở lên.
 - + **Ngành Điều dưỡng, Kỹ thuật xét nghiệm y học:** xếp loại học lực lớp 12 (hoặc cuối cấp) đạt loại Khá trở lên.
- **Nguyên tắc xét tuyển:**
 - + **Điểm xét tuyển** = Điểm trung bình THPT lớp 12 (hoặc cuối cấp) tổ hợp môn xét tuyển + Điểm cộng (nếu có) + Điểm ưu tiên (nếu có)
 - + Điểm xét tuyển tính trên thang điểm 30, mức tối đa là 30 điểm.
 - + Điểm trung bình THPT lớp 12 (hoặc cuối cấp) tổ hợp môn xét tuyển là tổng điểm các môn theo thang điểm 10 được làm tròn đến hai chữ số thập phân. Quá trình xét tuyển được thực hiện theo nguyên tắc từ cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu.
 - + **Điểm cộng:** Điểm cộng quy đổi theo chứng chỉ tiếng Anh (theo quy định của Trường

Đại học Tân Tạo)

- + **Điểm ưu tiên:** Ưu tiên đối tượng, khu vực (theo quy định của Bộ GD&ĐT).
- **Thời gian và cách thức đăng ký xét tuyển:**
 - + Đăng ký thông tin thí sinh (bắt buộc): Trên trang <https://tuyensinh.ttu.edu.vn/> của Trường Đại học Tân Tạo từ ngày **15/06/2025 đến hết ngày 25/06/2025**.
 - + Đăng ký nguyện vọng chính thức: Trên trang <https://thisinh.thitotnghiep THPT.edu.vn> theo thời gian quy định của Bộ GD&ĐT
- **Số nguyện vọng ĐKXT:** không giới hạn số lượng nguyện vọng.
- **Hồ sơ đăng ký xét tuyển:** theo thông báo tuyển sinh của Trường
- **Thời gian xét tuyển, lọc ảo và công bố kết quả:** trước 17h ngày 22/8/2025
- Thời gian xác nhận nhập học trực tuyến trên hệ thống chung của Bộ GD&ĐT: từ ngày 23/08/2025 đến trước 17 giờ 00 ngày 30/08/2025.

1.6.7. Phương thức 7 (Mã 407): Kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT với kết quả học tập cấp THPT để xét tuyển

- **Đối tượng:** Thí sinh có kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025 và thỏa điều kiện ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào.
- **Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào:**
 - + **Ngành Y khoa:** Mức điểm thi TN THPT tổ hợp môn xét tuyển căn cứ theo quy định và thông báo của Bộ GD&ĐT năm 2025.
- **Điều kiện:** theo quy chế tuyển sinh và kế hoạch tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.
- **Nguyên tắc xét tuyển: Thí sinh phải thỏa cả 2 điều kiện sau đây:**
 - + **Điều kiện 01:**
 - **Điểm xét tuyển** = Điểm thi TN THPT tổ hợp môn xét tuyển (Toán, Vật lí, Hóa học) + Điểm cộng (nếu có) + Điểm ưu tiên (nếu có)
 - Điểm xét tuyển tính trên thang điểm 30, mức tối đa là 30 điểm.
 - Điểm thi TN THPT tổ hợp môn xét tuyển là tổng điểm các bài thi/môn thi theo thang điểm 10 đối với từng bài thi/môn thi và được làm tròn đến hai chữ số thập phân. Quá trình xét tuyển được thực hiện theo nguyên tắc từ cao xuống thấp cho đến khi đủ chỉ tiêu.
 - **Điểm cộng:** Điểm cộng quy đổi theo chứng chỉ tiếng Anh (theo quy định của Trường Đại học Tân Tạo)
 - **Điểm ưu tiên:** Ưu tiên đối tượng, khu vực (theo quy định của Bộ GD&ĐT).
 - + **Điều kiện 02:** Điểm trung bình môn Sinh học lớp 12 cấp THPT phải đạt từ 5,00 điểm trở lên.
- **Thời gian và cách thức đăng ký xét tuyển:**
 - + Đăng ký thông tin thí sinh (bắt buộc): Trên trang <https://tuyensinh.ttu.edu.vn/> của Trường Đại học Tân Tạo từ ngày **15/06/2025 đến hết ngày 25/06/2025**.
 - + Đăng ký nguyện vọng chính thức: Trên trang <https://thisinh.thitotnghiep THPT.edu.vn> theo thời gian quy định của Bộ GD&ĐT
- **Số nguyện vọng ĐKXT:** không giới hạn số lượng nguyện vọng.

- **Hồ sơ đăng ký xét tuyển:** theo thông báo tuyển sinh của Trường
- **Thời gian xét tuyển, lọc ảo và công bố kết quả:** trước 17h ngày 22/8/2025
- Thời gian xác nhận nhập học trực tuyến trên hệ thống chung của Bộ GD&ĐT: từ ngày 23/08/2025 đến trước 17 giờ 00 ngày 30/08/2025.

1.7. Chính sách ưu tiên

- Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy định tại Điều 8 quy chế tuyển sinh đại học của Bộ GD&ĐT.
- Điểm ưu tiên: Ưu tiên đối tượng, khu vực theo quy định của Bộ GD&ĐT

1.8. Lệ phí xét tuyển, thi tuyển: Theo quy định của Bộ GD&ĐT

1.9. Việc cơ sở đào tạo thực hiện các cam kết đối với thí sinh: Theo quy định

1.10. Các nội dung khác : Không có

11. Thông tin về tuyển sinh của 2 năm gần nhất

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2024			Năm 2023			Ghi chú
						Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	
1.	7720101	Y khoa	7720101	Y khoa	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	40	13	22,5/30	40	22	22,5/30	
2.	7720101	Y khoa	7720101	Y khoa	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	66	23	Tổ hợp môn: 23/30	66	7	Tổ hợp môn: 22/30	
3.	7720101	Y khoa	7720101	Y khoa	Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT (Điều 8)	2	0		0	0		

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2024			Năm 2023			Ghi chú
						Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	
4.	7720101	Y khoa	7720101	Y khoa	Xét tuyển thẳng theo Đề án của CSĐT	0	0		2	0		
5.	7720101	Y khoa	7720101	Y khoa	Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển	2	0	800/1200	2	0	800/1200	
6.	7720301	Điều dưỡng	7720301	Điều dưỡng	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	12	1	19/30	12	2	19/30	
7.	7720301	Điều dưỡng	7720301	Điều	Xét kết quả	16	8	Tổ hợp môn:	16	4	Tổ hợp môn:	

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2024			Năm 2023			Ghi chú
						Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	
				đưỡng	học tập cấp THPT (học bạ)			19/30			19/30	
8.	7720301	Điều dưỡng	7720301	Điều dưỡng	Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT (Điều 8)	1	0		0	0		
9.	7720301	Điều dưỡng	7720301	Điều dưỡng	Xét tuyển thẳng theo Đề án của CSĐT	0	0		1	0		
10.	7720301	Điều dưỡng	7720301	Điều dưỡng	Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực,	1	0	700/1200	1	0	700/1200	

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2024			Năm 2023			Ghi chú
						Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	
					đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển							
11.	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	12	1	19/30	12	2	19/30	
12.	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	16	3	Tổ hợp môn: 19/30	16	0	Tổ hợp môn: 19/30	
13.	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển	1	0		0	0		

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2024			Năm 2023			Ghi chú
						Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	
					sinh của Bộ GDĐT (Điều 8)							
14.	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Xét tuyển thẳng theo Đề án của CSĐT	0	0		1	0		
15.	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học	7720601	Kỹ thuật xét nghiệm y học	Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển	1	0	700/1200	1	0	700/1200	
16.	7220201	Ngôn ngữ Anh	7220201	Ngôn ngữ Anh	Xét kết quả thi tốt	20	12	15/30	20	10	15/30	

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2024			Năm 2023			Ghi chú
						Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	
					ngành THPT							
17.	7220201	Ngôn ngữ Anh	7220201	Ngôn ngữ Anh	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	38	7	Tổ hợp môn: 18/30 05 học kỳ: 30/50	38	12	Tổ hợp môn: 18/30 05 học kỳ: 30/50	
18.	7220201	Ngôn ngữ Anh	7220201	Ngôn ngữ Anh	Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT (Điều 8)	1	0		0	0		
19.	7220201	Ngôn ngữ Anh	7220201	Ngôn ngữ Anh	Xét tuyển thẳng theo Đề án của CSĐT	0	0		1	0		
20.	7220201	Ngôn ngữ	7220201	Ngôn ngữ	Sử dụng	1	0	650/1200	1	0	650/1200	

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2024			Năm 2023			Ghi chú
						Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	
		Anh		Anh	kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển							
21.	7340101	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	20	8	15/30	20	10	15/30	
22.	7340101	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	38	6	Tổ hợp môn: 18/30 05 học kỳ: 30/50	38	13	Tổ hợp môn: 18/30 05 học kỳ: 30/50	
23.	7340101	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh	Xét tuyển thẳng theo	1	0		0	0		

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2024			Năm 2023			Ghi chú
						Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	
					quy định của Quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT (Điều 8)							
24.	7340101	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh	Xét tuyển thẳng theo Đề án của CSĐT	0	0		1	0		
25.	7340101	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh	Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để	1	0	650/1200	1	0	650/1200	

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2024			Năm 2023			Ghi chú
						Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	
					xét tuyển							
26.	7340120	Kinh doanh quốc tế	7340120	Kinh doanh quốc tế	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	13	3	15/30	13	8	15/30	
27.	7340120	Kinh doanh quốc tế	7340120	Kinh doanh quốc tế	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	25	4	Tổng hợp môn: 18/30 05 học kỳ: 30/50	25	4	Tổng hợp môn: 18/30 05 học kỳ: 30/50	
28.	7340120	Kinh doanh quốc tế	7340120	Kinh doanh quốc tế	Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT (Điều 8)	1	0		0	0		
29.	7340120	Kinh doanh quốc tế	7340120	Kinh doanh	Xét tuyển thẳng theo	0	0		1	0		

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2024			Năm 2023			Ghi chú
						Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	
				quốc tế	Đề án của CSĐT							
30.	7340120	Kinh doanh quốc tế	7340120	Kinh doanh quốc tế	Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển	1	0	650/1200	1	0	650/1200	
31.	7340201	Tài chính – Ngân hàng	7340201	Tài chính – Ngân hàng	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	12	1	15/30	12	0	15/30	
32.	7340201	Tài chính – Ngân hàng	7340201	Tài chính – Ngân hàng	Xét kết quả học tập cấp THPT (học	16	2	Tổ hợp môn: 18/30 05 học kỳ:	16	0	Tổ hợp môn: 18/30 05 học kỳ:	

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2024			Năm 2023			Ghi chú
						Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	
					bạ)			30/50			30/50	
33.	7340201	Tài chính – Ngân hàng	7340201	Tài chính – Ngân hàng	Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT (Điều 8)	1	0		0	0		
34.	7340201	Tài chính – Ngân hàng	7340201	Tài chính – Ngân hàng	Xét tuyển thẳng theo Đề án của CSĐT	0	0		1	0		
35.	7340201	Tài chính – Ngân hàng	7340201	Tài chính – Ngân hàng	Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do	1	0	650/1200	1	0	650/1200	

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2024			Năm 2023			Ghi chú
						Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	
					đơn vị khác tổ chức để xét tuyển							
36.	7340301	Kế toán	7340301	Kế toán	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	13	4	15/30	13	3	15/30	
37.	7340301	Kế toán	7340301	Kế toán	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	25	4	Tổ hợp môn: 18/30 05 học kỳ: 30/50	25	9	Tổ hợp môn: 18/30 05 học kỳ: 30/50	
38.	7340301	Kế toán	7340301	Kế toán	Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT	1	0		0	0		

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2024			Năm 2023			Ghi chú
						Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	
					(Điều 8)							
39.	7340301	Kế toán	7340301	Kế toán	Xét tuyển thẳng theo Đề án của CSĐT	0	0		1	0		
40.	7340301	Kế toán	7340301	Kế toán	Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển	1	0	650/1200	1	0	650/1200	
41.	7420201	Công nghệ sinh học	7420201	Công nghệ sinh học	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	13	3	15/30	13	1	15/30	

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2024			Năm 2023			Ghi chú
						Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	
42.	7420201	Công nghệ sinh học	7420201	Công nghệ sinh học	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	25	4	Tổ hợp môn: 18/30 05 học kỳ: 30/50	25	1	Tổ hợp môn: 18/30 05 học kỳ: 30/50	
43.	7420201	Công nghệ sinh học	7420201	Công nghệ sinh học	Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT (Điều 8)	1	0		0	0		
44.	7420201	Công nghệ sinh học	7420201	Công nghệ sinh học	Xét tuyển thẳng theo Đề án của CSĐT	0	0		1	0		
45.	7420201	Công nghệ sinh học	7420201	Công nghệ sinh học	Sử dụng kết quả thi đánh giá	1	0	650/1200	1	0	650/1200	

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2024			Năm 2023			Ghi chú
						Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	
					năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển							
46.	7480101	Khoa học máy tính	7480101	Khoa học máy tính	Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT	13	7	15/30	13	8	15/30	
47.	7480101	Khoa học máy tính	7480101	Khoa học máy tính	Xét kết quả học tập cấp THPT (học bạ)	25	13	Tổ hợp môn: 18/30 05 học kỳ: 30/50	25	12	Tổ hợp môn: 18/30 05 học kỳ: 30/50	
48.	7480101	Khoa học máy tính	7480101	Khoa học máy tính	Xét tuyển thẳng theo quy định của Quy	1	0		0	0		

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2024			Năm 2023			Ghi chú
						Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	
					chế tuyển sinh của Bộ GDĐT (Điều 8)							
49.	7480101	Khoa học máy tính	7480101	Khoa học máy tính	Xét tuyển thẳng theo Đề án của CSĐT	0	0		1	0		
50.	7480101	Khoa học máy tính	7480101	Khoa học máy tính	Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy do đơn vị khác tổ chức để xét tuyển	1	0	650/1200	1	0	650/1200	

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2024			Năm 2023			Ghi chú
						Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	

Cán bộ tuyển sinh
(Ghi rõ họ tên, số điện thoại liên hệ, địa chỉ Email)

..., ngày..... tháng năm.....
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ